

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2024

Về việc "Ly hôn"

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

#### TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thương Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lò Văn Hoan

2. Bà Lò Thị Hiêng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thào Thị Thu Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST- HNGĐ ngày 05/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**; địa chỉ: Số nhà 40, tổ dân phố 04, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (*Có mặt*).

- Bị đơn: Ông **Lương Th T**; địa chỉ: Số nhà 400, tổ dân phố 08, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt*).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lương Th T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ vào ngày 04/12/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2022 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Bà T và ông T đã sống

ly thân được hơn một năm và bà T đã chuyển về bên bố mẹ đẻ sinh sống. Cho đến nay, bà T xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vì vậy, bà T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Không có;
- Về tài sản và Nợ: Không có.

2. Tại Văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án của ông Lương Th T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Th T và bà Nguyễn Thị T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ vào ngày 04/12/2020. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, thời gian gần đây thì phát sinh một số mâu thuẫn về bất đồng quan điểm, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn. Mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ.

- Về con chung: Không có
- Về tài sản và nợ: Không có

#### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, bà T vẫn kiên quyết giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông T;
- Về con chung: Không có;
- Về tài sản và nợ: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Lương Th T có địa chỉ: Số nhà 400, tổ dân phố 08, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lương Th T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lương Th T

theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Nguyễn Thị T và ông Lương Th T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; khi đăng ký kết hôn, bà T và ông T đều đã trên 18 tuổi nên xác định quan hệ hôn nhân của bà T và ông T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà T cho rằng vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2022 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, đôi lúc dẫn đến xô xát, xúc phạm nhau nên hôn nhân không có hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T vẫn kiên quyết xin được ly hôn với ông T. Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị T được chính quyền địa phương, nơi bà T - ông T sinh sống đã xác nhận: Bà T và ông T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn, hai người cùng sống chung tại tổ dân phố 08, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, sau đó do mâu thuẫn bà T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại Số nhà 40, tổ dân phố 4, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên và sống ly thân với ông T được một năm nay. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tuy nhiên những mâu thuẫn của vợ chồng chưa có lần nào phải yêu cầu đến lãnh đạo phố, phường can thiệp, hòa giải;

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lương Th T không nhất trí ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà T vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ. Sau khi thụ lý Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ cho ông T được biết và đã triệu tập ông T nhiều lần đều vắng mặt nên các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức không hòa giải được. Xét thấy, là vợ chồng lẽ ra ông T và bà T phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, phải có thái độ tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Tuy nhiên, ông T và bà T đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân do các bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T vẫn cương quyết xin ly hôn nên có cơ sở xác định cuộc hôn nhân giữa bà T và ông T không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Lương Th T theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Bà T, ông T đều khai và công nhận là không có con chung.

2.3. Về tài sản chung: Bà T, ông T đều khai và công nhận là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về nợ chung: Bà T, ông T đều khai và công nhận là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, ông Lương Th T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 5, 8, 9; khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc "Ly hôn" cụ thể:

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lương Th T.

1.2. Về con chung: Không có;

1.3. Về Tài sản và Nợ: Không có.

**2.** Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, tại biên lai thu tiền số 0000953 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

**3.** Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/8/2024), ông Lương

Th T (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát ND, TP.ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS, TP. ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- UBND phường Tân Thanh, TP. ĐBP (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thương Huyền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Thương Huyền**

